

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BÀU BÀNG  
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 54/2024/HS-ST  
Ngày: 14-6-2024

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Kim Xuyên.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Trần Ngọc Đức.

Ông Nguyễn Đình Quân.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Quế Trâm, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Mai Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2024/TLST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

**Nguyễn Thành Đ**, sinh năm 1988 tại Bình Định; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: thôn H, xã N, thị xã A, tỉnh Bình Định; nơi sinh sống: khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa (học vấn): 08/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông **Nguyễn Mạnh X** và bà **Phạm Thị X1**; có vợ là **Nguyễn Thị H** và 02 con; tiền án: không; tiền sự: không; nhân thân: Quyết định số 875/QĐ-UB ngày 19 tháng 4 năm 2004 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện A V/v áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào **Trường G1** đối với **Nguyễn Thành Đ** thời hạn 18 tháng do trộm cắp tài sản và đánh người gây thương tích, chấp hành xong ngày 19 tháng 11 năm 2005; Bản án hình sự sơ thẩm số 159/2011/HSST ngày 19 tháng 7 năm 2011 của Tòa án nhân dân Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt **Nguyễn Thành Đ** 03 năm tù về tội Cướp giật tài sản, chấp hành xong ngày 04 tháng 8 năm 2013; bị bắt phạm tội quả tang ngày 13 tháng 02 năm 2023 và tạm giữ, đến ngày 23 tháng 02 năm 2023 tạm giam, có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Từ đầu năm 2022, **Nguyễn Thành Đ** bắt đầu sử dụng ma túy loại Methamphetamine (ma túy đá) bằng hình thức hút. Do có thời gian làm nghề tài xế lái xe container trên tuyến **Quốc lộ A thuộc thành phố B, tỉnh Đồng Nai** nên **Đ** được bạn bè giới thiệu đối tượng tên **T** (không rõ họ tên, địa chỉ) bán ma túy đá ở khu vực hầm đá gần **Quốc lộ A**. Thời gian đầu, **Đ** có số điện thoại của **T** để liên lạc mua ma túy nhưng sau đó không liên lạc được nữa. Những lần sau khi cần mua ma túy, **Đ** chạy xe đến khu vực hầm đá thuộc **thành phố D, tỉnh Bình Dương** gặp **T** để mua trực tiếp. **Đ** đã mua ma túy của **T** được 06 đến 07 lần, mỗi lần mua từ 300.000 đồng đến 500.000 đồng để sử dụng, khi sử dụng hết thì **Đ** lại tìm **T** mua ma túy.

Lần cuối **Đ** mua ma túy của **T** là giữa tháng 12 năm 2023 với giá 500.000 đồng và mang về phòng trọ ở **khu phố Đ, thị trấn L, huyện B** sử dụng hết. Đến khoảng cuối tháng 12 năm 2023 (không rõ ngày), do cần ma túy để sử dụng nên **Đ** đón xe công nghệ **G** (không rõ họ tên, địa chỉ của người lái xe) đến khu vực hầm đá gần **Quốc lộ A** tìm **T** để mua 500.000 đồng ma túy nhưng không gặp **T**. Khi **Đ** ngồi uống nước ở đây thì gặp một nam thanh niên chủ động lại hỏi chuyện. **Đ** nói thật là đang đi mua ma túy đá thì người này nói có biết chỗ bán. **Đ** đặt vấn đề mua 500.000 đồng ma túy nhưng người này nói không bán lẻ mà bán từ 5.000.000 đồng trở lên. Do không đem đủ tiền nên **Đ** hẹn người này hôm sau **Đ** quay lại mua ma túy. Sau đó, **Đ** về phòng trọ lấy tiền. Sáng hôm sau (không rõ ngày), **Đ** đón xe **G2** đi từ phòng trọ xuống khu vực hầm đá ngồi đợi ở quán nước khoảng một giờ thì người thanh niên đó quay lại, dẫn **Đ** ra chỗ vắng người ở khu vực hầm đá nói chuyện về gói ma túy đã thỏa thuận ngày hôm qua có giá 5.300.000 đồng, **Đ** đồng ý mua. Người này yêu cầu **Đ** đưa trước 5.300.000 đồng rồi kêu **Đ** đợi. Khoảng 20 phút, người này quay lại đưa cho **Đ** 01 gói ma túy đá đựng trong túi nilon kéo dính. **Đ** nhận ma túy xong cất giấu vào túi quần rồi đón xe **G2** (không rõ họ tên, địa chỉ của người lái xe) về phòng trọ ở **khu phố Đ, thị trấn L, huyện B** cất giấu để sử dụng dần. Sau khi mua, **Đ** đã sử dụng gói ma túy trên được 06 đến 07 lần, mỗi lần **Đ** đổ một ít ma túy vào bộ dụng cụ để hút. Phần ma túy còn lại, **Đ** cất giấu trong khẩu trang y tế màu trắng để trong gói thuốc Jet và cất trong thùng nhựa (loại thùng đựng sơn) để trên gác trong phòng trọ. Khuya ngày 12 tháng 02 năm 2024, **Đ** tiếp tục lấy một ít ma túy ra sử dụng xong và cất gói ma túy vào vị trí như trên. Đến khoảng 20 giờ ngày 13 tháng 02 năm 2024, **Đ** đang ở phòng trọ một mình thì lực lượng **Công an thị trấn L** kiểm tra hành chính phát hiện, lập biên bản phạm tội quả tang về hành vi cất giấu ma túy của **Đ** và tạm giữ tang vật theo quy định. **Công an thị trấn L** tiếp nhận ban đầu, sau đó thông báo đến **Công an huyện B** tiến hành thụ lý, điều tra theo thẩm quyền.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo **Đ** thừa nhận sự việc phạm tội đúng như Cáo trạng đã truy tố. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa

giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

Về các vấn đề khác của vụ án:

Theo Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 13 tháng 02 năm 2024 (bút lục số 06 và 07), Công an thị trấn L đã thu giữ của bị cáo Đ: 01 túi nilon kéo dính chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy; 01 chai nhựa nắp màu đỏ gắn ống hút nhựa; 01 hộp quẹt; 01 khẩu trang y tế; 01 hộp thuốc Jet; 01 ống thủy tinh (nỏ).

Theo Kết luận giám định 952/KL-KTHS(MT) ngày 20 tháng 02 năm 2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận (bút lục số 29): tinh thể màu trắng gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng/trọng lượng: 5,4530 gam.

Đối với 5,0460 gam thành phần Methamphetamine, là số lượng ma túy được hoàn lại sau giám định, xét thấy đây là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành, đề nghị tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chai nhựa nắp màu đỏ gắn ống hút nhựa, 01 ống thủy tinh, 01 quẹt gas, 01 khẩu trang y tế màu trắng và 01 vỏ gói thuốc hiệu Jet là vật chứng không có giá trị sử dụng, đề nghị tịch thu tiêu hủy.

Đối tượng bán ma túy cho Đ không xác định được họ tên, địa chỉ cụ thể, Cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý và tiếp tục xác minh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Kiểm sát viên và bị cáo không có ý kiến gì về các vấn đề trên.

Về trích dẫn cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản Cáo trạng số 52/CT-VKSBB ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng truy tố bị cáo Nguyễn Thành Đ về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử quyết định:

Về mức hình phạt: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Đ từ 05 năm tù đến 06 năm tù.

Về xử lý vật chứng, đề nghị tịch thu tiêu hủy: 5,0460 gam ma túy loại Methamphetamine là vật Nhà nước cấm tàng trữ, lưu hành; 01 chai nhựa nắp màu đỏ gắn ống hút nhựa, 01 ống thủy tinh, 01 quẹt gas, 01 khẩu trang y tế màu trắng và 01 vỏ gói thuốc hiệu Jet là vật chứng không có giá trị sử dụng.

Tại phiên tòa, bị cáo Đ không tranh luận gì về quyết định truy tố và luận tội của của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: bị cáo biết sai; xin Hội đồng xét xử giơ cao đánh khẽ, bị cáo còn mẹ già, con nhỏ.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

## [1] Về tố tụng

[1.1] Đối với các hành vi, quyết định tố tụng trong vụ án đã được Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; quá trình tố tụng, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì nên các hành vi, quyết định tố tụng này là hợp pháp.

[1.2] Riêng **D** bản và Chỉ bản của bị cáo do Cơ quan điều tra **Công an huyện B** thu thập trong quá trình điều tra không có mã vạch tại nơi dán mã vạch của **D** bản và Chỉ bản là không đúng theo biểu mẫu số 186 và biểu mẫu số 187 ban hành kèm theo Thông tư số 61/2017/TT-BCA ngày 14 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng **Bộ C** quy định về biểu mẫu, giấy tờ, sổ sách về điều tra hình sự nên cần khắc phục trong quá trình điều tra, truy tố những vụ án khác sau này.

## [2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận: khoảng 20 giờ ngày 13 tháng 02 năm 2024, tại phòng trọ thuộc **khu phố Đ, thị trấn L, huyện B, tỉnh Bình Dương**, bị cáo đã có hành vi tàng trữ 5,4530 gam ma túy loại Methamphetamine để sử dụng thì bị bắt quả tang.

Methamphetamine là chất ma túy quy định tại Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định các danh mục chất ma túy và tiền chất. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong hồ sơ vụ án, nội dung bản Cáo trạng và diễn biến tại phiên tòa. Do bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy là Methamphetamine có khối lượng 5,4530 gam, Cáo trạng đã truy tố bị cáo theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 là hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Bị cáo có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Hành vi phạm tội của bị cáo có tính chất và mức độ nguy hiểm rất lớn cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến trật tự quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy mà còn là nguyên nhân làm gia tăng các tệ nạn về ma túy và các tệ nạn xã hội khác, gây nhức nhối cho mỗi gia đình và toàn xã hội. Vì vậy, việc đưa bị cáo ra xét xử tại phiên tòa hôm nay là hoàn toàn cần thiết.

[4] Để thỏa mãn nhu cầu về sử dụng trái phép chất ma túy mà bị cáo đã có hành vi tàng trữ trái phép Methamphetamine. Bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện, ngang nhiên đưa ma túy vào đời sống xã hội, gây khó khăn cho việc đấu tranh phòng, chống tội phạm của Nhà nước ta; đồng thời còn ảnh hưởng đến sức khỏe của chính bị cáo. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử quyết định xử bị cáo một mức án tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo nhằm giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[5] Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết giảm nhẹ và tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo như sau:

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Bị cáo có cha là người có công với cách mạng theo quy

định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: không.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt tù đối với bị cáo tại phiên tòa là phù hợp, Hội đồng xét xử chấp nhận, quyết định cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để thể hiện sự nghiêm minh của pháp luật.

[7] Về xử lý vật chứng

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy: 5,0460 gam ma túy loại Methamphetamine là vật cấm tàng trữ, lưu hành; 01 chai nhựa nắp màu đỏ gắn ống hút nhựa, 01 ống thủy tinh, 01 quạt gas, 01 khẩu trang y tế màu trắng và 01 vỏ gói thuốc hiệu Jet là vật chứng không có giá trị sử dụng.

[8] Các đối tượng bán ma túy cho bị cáo **Đ**, khi nào làm rõ nhân thân lai lịch sẽ xử lý sau.

[9] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249 và điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thành Đ** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Nguyễn Thành Đ** 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 13 tháng 02 năm 2024.

Về xử lý vật chứng:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 46, điểm c khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a, c khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu và tiêu hủy:

- 01 (một) bì thư được niêm phong ghi số: 952/PC09 (là mẫu vật gửi giám định trong QĐTC giám định số 214/QĐ-ĐCSKT-MT ngày 13 tháng 02 năm 2024 của cơ quan CSĐT **Công an huyện B**, tỉnh Bình Dương), có chữ ký và hình dấu đỏ như trong biên bản mở niêm phong và giấy niêm phong có chữ ký của **Nguyễn Thành Đ** (người chứng kiến), **Nguyễn Hoàng Á** (bên giao mẫu), **Nguyễn Đức N** (bên nhận mẫu) và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng KTHS - **Công an tỉnh B**. Khối lượng mẫu niêm phong 5,0460 gam ma túy loại Methamphetamine.

- 01 (một) chai nhựa nắp màu đỏ gắn ống hút nhựa (đã qua sử dụng), 01 (một) ống thủy tinh (đã qua sử dụng), 01 (một) quạt gas (đã qua sử dụng), 01

(một) khẩu trang y tế màu trắng (đã qua sử dụng) và 01 (một) vỏ gói thuốc hiệu Jet (đã qua sử dụng).

*(Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng)*

Về án phí: căn cứ vào Điều 135 và khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 6 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Quyền kháng cáo: bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Công an huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng;
- Bị cáo;
- Công thông tin điện tử của Tòa án (nếu có);
- Lưu: hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Kim Xuyên**